

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ III NĂM 2011

TÊN ĐƠN VỊ: TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

ĐỊA CHỈ: 68 Nguyễn Trung Trực - KP 9 - Bến Lức - Long An

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. min	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,126,935,574,208	846,116,585,772
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	5.1	27,571,773,760	17,880,674,692
1. Tiền	111		27,571,773,760	17,880,674,692
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130	5.2	578,235,631,358	404,292,324,047
1. Phải thu khách hàng	131		366,546,910,257	326,978,568,663
2. Trả trước cho người bán	132		181,187,879,557	54,795,477,502
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		31,851,537,769	23,868,974,107
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1,350,696,225)	(1,350,696,225)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	5.3	493,360,279,764	401,471,945,305
1. Hàng tồn kho	141		493,360,279,764	401,471,945,305
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		27,767,889,326	22,471,641,728
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	3,290,685,532	3,221,572,222
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		18,119,108,484	8,914,013,128
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.5	1,051,616,987	1,579,242,318
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	5,306,478,323	8,756,814,060

(Phần tiếp theo trang 02)



TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. min	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		903,781,510,455	784,497,173,845
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		748,749,222,643	633,385,420,594
1. TSCĐ hữu hình	221	5.7	272,734,857,959	226,108,353,984
+ Nguyên giá	222		361,996,046,776	293,152,131,629
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(89,261,188,817)	(67,043,777,645)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.8	51,972,631,235	47,752,083,038
+ Nguyên giá	228		52,473,347,920	48,172,549,720
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(500,716,685)	(420,466,682)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.9	424,041,733,449	359,524,983,572
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	132,002,383,423	131,897,383,423
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		132,002,383,423	131,897,383,423
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Lợi thế thương mại	260		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	270		23,029,904,389	19,214,369,828
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	5.11	12,046,413,845	8,081,111,829
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	5.12	10,868,490,544	11,018,257,999
3. Tài sản dài hạn khác	278	5.13	115,000,000	115,000,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		2,030,717,084,663	1,630,613,759,617

10047
 ÔNG 1
 PHÁ
 ĐO
 NG LON
 -T. L

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã Th.	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300	1,460,801,629,304	1,075,545,669,858
I. Nợ ngắn hạn	310	1,233,109,344,292	781,136,426,576
1. Vay và nợ ngắn hạn	311 5.14	781,210,309,700	485,810,322,570
2. Phải trả người bán	312 5.15	124,887,875,308	100,550,306,786
3. Người mua trả tiền trước	313 5.15	22,606,730,183	7,053,730,867
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	0 5.16	9,583,328,043	10,387,501,230
5. Phải trả người lao động	315	6,319,580,703	8,812,925,231
6. Chi phí phải trả	316 5.17	56,188,515,959	56,260,978,235
7. Phải trả nội bộ	317	508,461,278	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318	-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319 5.18	218,149,086,687	100,362,841,823
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	13,655,456,431	11,897,819,834
II. Nợ dài hạn	330	227,692,285,012	294,409,243,282
1. Phải trả dài hạn người bán	331	-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333 5.19	5,827,830,968	5,116,848,708
4. Vay và nợ dài hạn	334 5.20	200,844,967,252	265,726,892,489
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335 5.21	14,510,651	14,510,651
6. Dự phòng trợ cấp mất việc	336	15,327,850	40,433,600
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338 5.22	20,989,648,291	23,510,557,834
9. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	339	-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	556,137,964,111	541,338,274,348
I. Vốn chủ sở hữu	410 5.23	556,137,964,111	541,338,274,348
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	443,753,850,000	443,753,850,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414	(7,500,000,000)	(7,500,000,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	88,089,999	44,715,649
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	16,482,223,295	14,364,348,663
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	14,312,511,004	12,618,211,299
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	1,376,512,290	952,937,364
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	87,624,777,523	77,104,211,373
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421	-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422	-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430	-	-
1. Nguồn kinh phí	432	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433	-	-
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500 5.24	13,777,491,247	13,729,815,411
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	2,030,717,084,663	1,630,613,759,617

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính



TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT


Ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	Th.		
	minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		12,522.89	7,783.56
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Ngày 31 tháng 10 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ TRÚC

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM PHÚC TOẠI

C.T.C.P.

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT Quý III Năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã T	M số M	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		412,131,266,398	346,127,774,856	1,242,226,371,794	898,132,123,426
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		36,778,394,932	5,192,212,223	52,056,695,058	6,932,876,023
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6	375,352,871,466	340,935,562,633	1,190,169,676,736	891,199,247,403
4. Giá vốn hàng bán	11	6	314,851,374,429	295,099,933,609	959,346,527,107	759,864,610,730
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		60,501,497,037	45,835,629,024	230,823,149,629	131,334,636,673
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6	3,200,825,476	1,576,718,540	15,120,586,956	5,208,349,337
7. Chi phí tài chính	22	6	24,078,591,527	7,795,124,525	86,459,539,289	31,047,495,581
Trong đó: chi phí lãi vay	23		4,805,521,477	6,698,420,370	34,249,658,720	19,793,039,557
8. Chi phí bán hàng	24	7	17,313,359,325	14,599,770,998	64,351,447,319	24,588,039,727
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	7	16,662,327,589	14,524,388,978	50,663,052,382	42,451,657,179
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5,648,044,072	10,493,063,063	44,469,697,595	38,455,793,523
11. Thu nhập khác	31	7	3,877,974,625	932,328,836	8,227,485,989	65,550,819,083
12. Chi phí khác	32	7	2,475,896,273	614,281,029	5,809,000,047	47,906,191,851
13. Lợi nhuận khác	40		1,402,078,352	318,047,807	2,418,485,942	17,644,627,232
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	50					(1,541,811)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		7,050,122,424	10,811,110,870	46,888,183,537	56,098,878,944
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		459,590,819	905,999,073	1,060,006,133	20,174,219,680
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		8,159,060	(31,182,032)	149,767,455	(3,618,501,867)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6,582,372,545	9,936,293,829	45,678,409,949	39,543,161,131
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số			(21,702,061)	(31,439,247)	(139,986,883)	(315,247,701)
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ			6,604,074,606	9,967,733,076	45,818,396,832	39,858,408,832
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		149	339	1,036	1,354

Long An, ngày 31 tháng 10 năm 2011

Nguyễn Thị Trúc



Nguyễn Thị Trúc
Kế toán trưởng

Phạm Phúc Toại
Tổng Giám đốc

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		46,888,183,537	56,722,958,127
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		26,045,838,643	30,653,567,834
Các khoản dự phòng	03			191,519,972
Lãi/ lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		43,374,350	(9,854,648,760)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		8,404,446,459	(15,776,982,602)
Chi phí lãi vay	06		34,249,658,720	38,233,297,976
Điều chỉnh khác				
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		115,631,501,709	100,169,712,547
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(179,558,190,021)	17,751,725,008
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(91,888,334,459)	(147,174,652,581)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		202,677,696,812	(376,370,092,286)
Tăng giảm chi phí trả trước	12			3,115,040,777
Tiền lãi vay đã trả	13		(84,483,567,387)	(37,562,220,636)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(383,546,439)	(50,866,359,829)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		6,041,061,696	10,445,351,686
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh			(8,047,923,600)	(11,125,325,325)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh			(40,011,301,689)	(491,616,820,639)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(145,530,076,948)	(90,239,237,046)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		(8,430,376,300)	63,159,773,696
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23			
4. khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(105,000,000)	(300,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			900,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		318,635,112	2,602,236,538
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(153,746,818,136)	(23,877,226,812)



TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương gián tiếp)

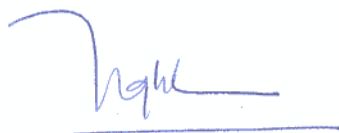
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-
1. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1,461,894,245,098	1,170,031,867,061
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1,231,376,183,205)	(656,565,178,642)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(27,068,843,000)	(49,691,270,200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	203,449,218,893	463,775,418,219
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	9,691,099,068	(51,718,629,232)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	17,880,674,692	69,597,111,374
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2,192,550
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	27,571,773,760	17,880,674,692

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ TRÚC

Long An, ngày 31 tháng 10 năm 2011



TỔNG GIÁM ĐỐC

PHẠM PHÚC TOẠI



TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bảng thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long (dưới đây gọi tắt là Công ty) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5003000180 ngày 14 tháng 02 năm 2007 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Long An cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 02 tháng 12 năm 2010.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 68 đường Nguyễn Trung Trực, khu phố 9, thị trấn Bến Lức, tỉnh Long An.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 443.753.850.000 đồng.

Công ty có đầu tư vào 08 công ty con như được trình bày tại mục 1.3 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn)

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Gia công sơ chế nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất thuốc lá; bán buôn, đại lý thuốc lá điếu, nguyên phụ liệu, vật tư sản xuất thuốc lá;
- Cho thuê : máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất thuốc lá;
- Kinh doanh nguyên phụ liệu, vật tư ngành in ấn, máy móc, thiết bị các loại ; in ấn bao bì phục vụ sản xuất hàng hóa, thuốc lá;
- San lấp mặt bằng;
- Xây dựng nhà ở, giao thông, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi; đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp;
- Mua bán vật liệu xây dựng, cửu trầm;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Cho thuê nhà ở, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp; cho thuê và mướn kho bãi;
- Khai thác đất, khai thác cát, đá, sỏi (ngoài tỉnh);
- Khai thác nước ngầm, cung cấp nước sạch cho dân cư và công nghiệp;
- Hoạt động câu lạc bộ bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, cầu lông, quần vợt, mua bán chuyển nhượng cầu thủ; mua bán dụng cụ thể dục, thể thao;
- Vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy; kinh doanh xe ô tô, xe máy các loại;
- Kinh doanh các loại hình dịch vụ hỗ trợ phát triển khu dân cư, khu đô thị;
- Tư vấn cho các doanh nghiệp về lập và triển khai dự án kinh doanh; lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu, quản lý dự án;
- Tư vấn xây dựng (trừ thiết kế, giám sát, khảo sát công trình);
- Kinh doanh xăng dầu, khí đốt và các sản phẩm có liên quan;
- Thoát nước và xử lý nước thải; thi công, lắp đặt hệ thống đường cống thoát nước; mua bán các loại vật tư, thiết bị ngành nước;
- Sản xuất và chế biến thủy sản;
- Sản xuất, chế biến, kinh doanh phân bón các loại....

(Phần tiếp theo ở trang 9)



TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

1.3. Danh sách các công ty con được hợp nhất

1.3.1. Công ty con trực tiếp

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Phát Triển Hạ Tầng Hoàng Long	Lầu 2, Tòa Nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, KP9, thị trấn Bến Lức, tỉnh Long An	100%	100%
2.	Công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương Mại Hoàng Long	Tầng trệt, Tòa Nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, KP9, thị trấn Bến Lức, tỉnh Long An	100%	100%
3.	Công ty TNHH MTV Vận Tải và Khai Thác Khoáng Sản Hoàng Long	68 Nguyễn Trung Trực, KP9, thị trấn Bến Lức tỉnh Long An	100%	100%
4.	Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long	281-283 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, TP.HCM	100%	100%
5.	Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	Ấp Tân Cường, xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp	100%	100%
6.	Công ty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy Sản Hoàng Long	Ấp Tân Cường, xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp	100%	100%
7.	Công ty CP Hoàng Long Mê Kông	Số 154D, đường 134, P.Veal Vong, Quận 7 Makara, TP.Pnompenh Campuchia	55%	86.8%

1.3.2. Công ty con gián tiếp

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty CP Thanh Mỹ	469 Đinh Bộ Lĩnh, KP5, Phường 9, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	60%	61.13%

1.4. Danh sách công ty liên doanh, liên kết được tổng hợp quyền lợi vào báo cáo tài chính hợp nhất

<u>STT</u>	<u>Tên công ty liên doanh, liên kết</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của Công ty</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của Công ty</u>
1.	Công ty TNHH SX và TMDV Thanh Thy	A-14 Lô H30 Khu Phố Mỹ Quang, Q.7, TP.HCM	30%	30%

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 – Đầu tư vào công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long, báo cáo tài chính các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng kỳ kế toán với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Tại thời điểm thụ đắc Công ty con, lợi thế thương mại được xác định là khoản chênh lệch giữa các chi phí đầu tư và giá trị thuần của những tài sản thuần có thể xác định. Lợi thế thương mại được trình bày thành một khoản mục riêng biệt trên báo cáo tài chính hợp nhất và được hạch toán trực tiếp vào chi phí trong kỳ.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối kỳ kế toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ kế toán

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 25 năm
+ Máy móc thiết bị	05 – 08 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
+ Tài sản khác	02 năm
+ Tài sản cố định vô hình	02 – 50 năm

4.7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

4.8. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần lương tối thiểu chung được Chính Phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: trích lập căn cứ vào Nghị Quyết Đại Hội Cổ Đông hàng năm.

4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

- Doanh thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ghi nhận khi thu được 70% tiền ứng trước từ khách hàng theo quy định trên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

4.11. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

- Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với các công ty trong Tập đoàn.

4.12. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	2.282.514.187	777.657.447
Tiền gửi ngân hàng	25.289.259.573	17.103.017.245
Các khoản tương đương tiền	-	-
Tổng cộng	27.571.773.760	17.880.674.692

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	366.546.910.257	326.978.568.663
Trả trước cho người bán	181.187.879.557	54.795.477.502
Phải thu nội bộ	-	-
Các khoản phải thu khác	31.851.537.769	23.868.974.107
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	579.586.327.583	405.643.020.272
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.350.696.225)	(1.350.696.225)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	578.235.631.358	404.292.324.047

Các khoản phải thu khách hàng được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu về hoạt động thương mại	294.360.828.099	242.855.217.457
Phải thu hoạt động thi công	-	1.047.857.984
Phải thu hoạt động chuyển quyền sử dụng đất	71.466.061.241	83.075.493.222
Phải thu hoạt động taxi	720.020.917	-
Cộng	366.546.910.257	326.978.568.663

Các khoản trả trước người bán được chi tiết như sau :

	Cuối kỳ	Đầu năm
Trả trước về mua sắm và xây dựng cơ bản tài sản cố định	141.306.524.458	41.548.971.881
Trả trước hoạt động thi công	6.118.490.423	7.117.700.432
Trả trước tiền mua nguyên vật liệu	32.454.258.372	2.451.694.000
Khác	1.308.606.304	3.677.111.189
Cộng	181.187.879.557	54.795.477.502

Chi tiết các khoản phải thu khác gồm :

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu tiền tạm ứng cổ tức cho nhân viên	-	-
Phải thu tiền cho vay, mượn	23.496.505.295	11.995.316.400
Phải thu tiền lệ phí trước bạ ứng trước cho khách hàng	1.209.880.437	1.227.774.537
Thuế GTGT hàng nhập khẩu chưa khấu trừ	-	3.188.838.016
Ứng trước tiền liên kết nuôi thủy sản	4.461.533.500	5.690.909.000
Khác	2.683.618.537	1.766.136.154
Cộng	31.851.537.769	23.868.974.107

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.3. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ	Đầu năm
Hàng mua đang đi đường	-	27.395.557.083
Nguyên liệu, vật liệu	70.500.036.663	45.349.914.382
Công cụ, dụng cụ	7.582.980.332	4.441.815.315
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	227.705.361.798	182.137.495.781
Thành phẩm	144.850.054.396	113.033.139.039
Hàng hóa	42.721.846.575	29.112.601.576
Hàng gửi bán	-	1.422.129
Cộng giá gốc hàng tồn kho	493.360.279.764	401.471.945.305
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện	493.360.279.764	401.471.945.305

5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Chi phí sửa chữa, lắp đặt	-	189.446.564
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.837.444.320	1.624.706.179
Chi phí bảo hiểm xe ô tô	1.353.955.245	1.231.655.221
Chi phí quảng cáo chờ phân bổ	-	-
Khác	99.285.967	175.764.258
Tổng cộng	3.290.685.532	3.221.572.222

5.5. Thuế và các khoản phải thu nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế TNDN nộp thừa	1.039.722.131	1.568.703.577
Thuế TNCN nộp thừa	10.394.856	-
Khác	1.500.000	10.538.741
Tổng cộng	1.051.616.987	1.579.242.318

5.6. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tạm ứng	4.552.717.220	6.678.977.852
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	753.761.103	2.077.836.208
Tổng cộng	5.306.478.323	8.756.814.060

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	22.916.027.104	62.742.295.838	200.600.240.086	4.010.812.894	2.882.755.707	293.152.131.629
Mua trong kỳ	2.228.201.800	49.991.038.774	23.237.256.799	150.232.891	1.094.203.947	76.700.934.211
Tăng/giảm khác	-	2.654.240	(39.900)	8.980.320	-	11.594.660
Thanh lý	-	-	(7.847.391.724)	(21.222.000)	-	(7.868.613.724)
Phân loại TSCĐ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	25.144.228.904	112.735.988.852	215.990.065.261	4.148.804.105	3.976.959.654	361.996.046.776
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	3.909.558.511	8.407.535.233	51.352.517.542	2.833.331.983	540.834.376	67.043.777.645
Khấu hao trong kỳ	1.199.844.890	5.672.932.479	18.172.848.346	575.009.603	332.343.034	25.952.978.352
Tăng khác	-	1.105.963	6.473.259	5.031.066	-	12.610.288
Thanh lý	-	-	(3.728.723.968)	(19.453.500)	-	(3.748.177.468)
Phân loại TSCĐ	(32.157.840)	(77.416.351)	-	-	109.574.191	-
Số dư cuối kỳ	5.077.245.561	14.004.157.324	65.803.115.179	3.393.919.152	982.751.601	89.261.188.817
Tại ngày đầu kỳ	19.006.468.593	54.334.760.605	149.247.722.544	1.177.480.911	2.341.921.331	226.108.353.984
Tại ngày cuối kỳ	20.066.983.343	98.731.831.528	150.186.950.082	754.884.953	2.994.208.053	272.734.857.959

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản đã dùng thế chấp là : 185.095.649.136 đồng
- Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là : 2.728.439.755 đồng

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	48.162.249.720	10.300.000	48.172.549.720
Tăng trong kỳ	4.300.798.200		4.300.798.200
Số dư cuối kỳ	52.463.047.920	10.300.000	52.473.347.920
Hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	410.166.682	10.300.000	420.466.682
Khấu hao trong kỳ	80.250.003	-	80.250.003
Số dư cuối kỳ	490.416.685	10.300.000	500.716.685
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	47.752.083.038	-	47.752.083.038
Tại ngày cuối kỳ	51.972.631.235	-	51.972.631.235

▪ Nguyên giá tài sản cố định vô hình khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 10.300.000 đồng

5.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối kỳ	Đầu năm
Mua sắm tài sản cố định	124.977.360.788	99.027.981.727
Công trình xây dựng giếng 3 nhà máy cấp nước	169.946.673	-
Giếng khoan (Thanh Mỹ)	4.031.467.573	-
Hệ thống xử lý nước thải Long Cang	4.698.273.443	4.619.233.443
Mạng lưới cung cấp nước sạch khu dân cư thị trấn Bến Lức	-	121.058.955
Chi phí đầu tư mua sắm mới xe taxi	-	46.000.000
Công trình nhà máy chế biến thủy sản Thủy Sản Hoàng Long	285.079.122.812	242.141.685.134
Quyền sử dụng đất nhà máy sản xuất nước đá	4.437.843.028	13.481.734.313
Chi phí xây dựng ao nuôi cá	647.719.132	-
Khác	-	87.290.000
Tổng cộng	424.041.733.449	359.524.983.572

5.10. Đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết	132.002.383.423	131.897.383.423
Đầu tư dài hạn khác	-	-
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	132.002.383.423	131.897.383.423
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	-
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	132.002.383.423	131.897.383.423

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Chi tiết công ty liên kết Công ty đã đầu tư như sau:

	Phân loại đầu tư	Vốn góp theo phương pháp vốn chủ sở hữu đến 30/09/2011	Tỷ lệ vốn góp theo giấy phép kinh doanh
+ Công ty TNHH SX và TM Thanh Thy	Liên kết	132.002.383.423	30%
Cộng		132.002.383.423	

5.11. Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Chi phí CCDC chờ phân bổ	12.033.457.595	7.548.665.165
Chi phí sửa chữa lớn	-	85.140.213
Chi phí san lấp mặt bằng máy nước	12.956.250	51.825.000
Thiết bị, phụ tùng xe ô tô	-	395.481.451
Chi phí khác	-	-
Tổng cộng	12.046.413.845	8.081.111.829

5.12. Tài sản thuế hoãn lại

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời do trích trước chi phí cho khu đất Long Kim	3.479.705.207	3.484.474.394
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời do trích trước chi phí cho khu biệt thự nhà vườn An Thạnh	7.139.034.378	7.139.034.378
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời khác	249.750.959	394.749.227
Tổng cộng	10.868.490.544	11.018.257.999

5.13. Tài sản dài hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Ký quỹ thuê kho theo HĐ số 02/TMB08 ngày 10/10/2008 với công ty Phương Nam	100.000.000	100.000.000
Đặt cọc khác	15.000.000	15.000.000
Tổng cộng	115.000.000	115.000.000

5.14. Vay ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay ngân hàng	781.210.309.700	485.810.322.570
Tổng cộng	781.210.309.700	485.810.322.570

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Vay ngân hàng với lãi suất từ 19%/năm đến 23%/năm đối với VNĐ, 6,3%/năm đến 8,5%/năm đối với USD với mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản thế chấp sau :

- 7.400.658 cổ phiếu HLG
- Quyền sử dụng đất tại xã Long Cang - Huyện Cần Đước – Tỉnh Long An theo hợp đồng số 0099/NHNT-TDC/TC11 ngày 23/03/2011.
- Các tài sản thế chấp cho ngân hàng PGB ứng với hợp đồng tín dụng số 149/2011/HMTD/NH-PN/PCB ngày 29/03/2011.
- Các xe ô tô mua để kinh doanh theo hợp đồng thế chấp số 8412/2010/HĐTC-DN-HCM.
- Toàn bộ bất động sản tại nhà máy, hàng tồn kho, các trang thiết bị, máy móc tại nhà máy chế biến thủy sản.

5.15. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	124.887.875.308	100.550.306.786
Người mua trả tiền trước	22.606.730.183	7.053.730.867
Tổng cộng	147.494.605.491	107.604.037.653

Các khoản phải trả người bán được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả tiền đền bù giải tỏa	5.707.412.000	5.707.412.000
Phải trả tiền mua nhà máy sản xuất thức ăn nổi	7.834.840.000	7.194.160.000
Phải trả tiền mua nguyên liệu thuốc lá	5.936.583.322	14.471.305.968
Phải trả tiền mua cát	198.246.000	1.389.775.580
Phải trả tiền mua nguyên liệu chế biến thủy sản	95.099.604.862	58.953.403.707
Phải trả về hoạt động thi công	2.465.044.269	10.631.833.825
Khác	7.646.144.855	2.202.415.706
Cộng	124.887.875.308	100.550.306.786

Chi tiết khoản người mua trả tiền trước như sau :

	Cuối kỳ	Đầu năm
Trả trước cho hoạt động chuyển quyền sử dụng đất	2.872.426.166	2.466.644.371
Trả trước cho hoạt động thương mại	18.910.977.164	3.813.357.346
Khác	823.326.853	773.729.150
Cộng	22.606.730.183	7.053.730.867

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế GTGT hàng nội địa	2.133.146.789	4.430.851.836
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	243.319.975	-
Thuế nhập khẩu	63.327.960	-
Thuế TNDN	5.612.119.931	5.130.353.222
Thuế TNCN	259.142.067	180.314.476
Thuế tài nguyên	22.137.093	13.331.778
Thuế nhà đất	-	-
Các khoản phí, lệ phí	1.250.134.228	632.649.918
Tổng cộng	9.583.328.043	10.387.501.230

5.17. Chi phí phải trả

	Cuối kỳ	Đầu năm
Trích trước chi phí cho công trình Long Kim 2	18.332.053.176	18.513.790.507
Trích trước chi phí cho khu biệt thự nhà vườn An Thạnh	28.556.137.510	28.556.137.510
Trích trước chi phí nuôi cá chưa quyết toán	-	7.770.000.000
Trích trước chi phí tiền điện	-	-
Trích trước chi phí thuê ao	9.050.325.273	-
Trích trước chi phí lãi vay	250.000.000	1.266.050.218
Tiền gia công cá nguyên liệu	-	155.000.000
Tổng cộng	56.188.515.959	56.260.978.235

5.18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tài sản thừa chờ xử lý	-	1.299.800
Kinh phí công đoàn	648.574.023	416.737.232
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.368.854.245	362.396.726
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	594.965.000	658.565.000
Phải trả Công ty TNHH Thanh Thy	20.861.443.935	24.557.443.935
Phải trả tiền hàng chưa có hóa đơn	20.976.628.186	9.382.866.150
Phải trả lãi tiền hàng chậm thanh toán	1.848.762.179	-
Phải trả tiền vay các đối tượng khác	160.061.003.379	63.634.629.445
Các khoản phải trả, phải nộp khác	11.788.855.740	1.348.903.535
Tổng cộng	218.149.086.687	100.362.841.823

5.19. Phải trả dài hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Nhận ký quỹ của tài xế lái xe taxi	5.277.830.968	5.116.848.708
Nhận đặt cọc bán hàng	550.000.000	-
Tổng cộng	5.827.830.968	5.116.848.708

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.20. Vay và nợ dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay ngân hàng	200.844.967.252	265.726.892.489
Tổng cộng	200.844.967.252	265.726.892.489

Vay ngân hàng với lãi suất là 10.5%/năm đến 19%/năm đối với VNĐ, 6%/năm đến 8,5%/năm đối với USD. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản thế chấp gồm:

- Giấy chứng nhận QSD đất số AB 240676 do UBND huyện Bến Lức, tỉnh Long An cấp ngày 13/09/2005; giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất do UBND tỉnh Long An cấp ngày 26/09/2010. Theo hợp đồng thế chấp số 0250/NHNT-TDC/BL10 ngày 13/08/2009, tài sản thế chấp kê trên được định giá là 14.193.430.000 đồng.
- 7.400.658 cổ phiếu HLG theo hợp đồng thế chấp số 0142/HĐTC/PGBLA/09 ngày 30/12/2009.
- Ô tô kinh doanh taxi hình thành từ vốn vay
- Toàn bộ quyền sử dụng đất, nhà xưởng, thiết bị thuộc dự án Nhà máy chế biến thủy sản Hoàng Long theo hợp đồng thế chấp số 277/2009/HĐTC/PGB ngày 22/07/2009.
- Diện tích đất trồng lúa tại huyện Tam Nông và huyện Thanh Bình Tỉnh Đồng Tháp.
- 3.700.329 cổ phiếu HLG do Ông Phạm Phúc Toại và bà Lê Ngọc Ánh nắm giữ.

5.21. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ khoản lỗ chưa thực hiện trong hàng tồn kho	14.510.651	14.510.651
Tổng cộng	14.510.651	14.510.651

5.22. Doanh thu chưa thực hiện

	Cuối kỳ	Đầu năm
Khách hàng ứng trước theo tiến độ hợp đồng kinh doanh bất động sản	20.989.648.291	23.510.557.834
Tổng cộng	20.989.648.291	23.510.557.834

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2011
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.23 Vốn chủ sở hữu		5.23.1 Biến động của Vốn chủ sở hữu					
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quý thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ năm trước	295.807.110.000	102.592.150.000	(7.500.000.000)	5.091.998	27.347.420.860	132.040.158.808	550.291.931.666
Tăng vốn	147.946.740.000	(102.592.150.000)	-	-	(793.200.000)	(44.561.390.000)	-
Lợi nhuận	-	-	-	-	-	42.357.492.634	42.357.492.634
Trích quỹ	-	-	-	-	1.381.276.466	(2.762.552.931)	(1.381.276.465)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(49.691.270.200)	(49.691.270.200)
CL tỷ giá	-	-	-	39.623.651	-	-	39.623.651
Phần lỗ gánh chịu cho CBTS	-	-	-	-	-	(278.226.938)	(278.226.938)
Số dư đầu năm nay	443.753.850.000	-	(7.500.000.000)	44.715.649	27.935.497.326	77.104.211.373	541.338.274.348
Tăng vốn	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	45.818.396.832	45.818.396.832
CL tỷ giá	-	-	-	43.374.350	-	-	43.374.350
Phần lỗ gánh chịu cho CBTS	-	-	-	-	-	(181.064.082)	(181.064.082)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ	-	-	-	-	4.235.749.263	(8.047.923.600)	(3.812.174.337)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(27.068.843.000)	(27.068.843.000)
Số dư cuối năm nay	443.753.850.000	-	(7.500.000.000)	88.089.999	32.171.246.589	87.624.777.523	556.137.964.111

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.23.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vốn góp của các đối tượng khác	443.753.850.000	443.753.850.000
Tổng cộng	443.753.850.000	443.753.850.000

5.23.3. Cổ phần

Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	44.375.388	44.375.385
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	44.375.385	44.375.385
Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	(150.000)	(150.000)
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	44.225.385	44.225.385

- Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

5.23.4. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi hợp nhất sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	6.604.074.606	13.373.022.470
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ của Công ty mẹ	44.225.385	29.430.711
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	149	454

5.24. Lợi ích cổ đông thiểu số

	Kỳ này	Đầu năm
Số dư đầu năm	13.729.815.411	13.611.824.094
Vốn góp của cổ đông thiểu số tăng trong kỳ	-	200.000.000
Lợi nhuận thuần phân bổ cho lợi ích cổ đông thiểu số	47.675.836	(82.008.683)
Số dư cuối năm	13.777.491.247	13.729.815.411

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu hoạt động thương mại	31.184.118.664	52.076.873.136
Doanh thu hoạt động thi công	-	96.984.224.681
Doanh thu bất động sản	30.007.449.855	8.024.414.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	56.392.321	101.251.525
Doanh thu cung cấp nước	1.686.052.890	1.020.306.173
Doanh thu taxi	33.453.758.809	27.114.631.805
Doanh thu chế biến, nuôi trồng thủy sản	315.701.102.329	159.049.446.440
Doanh thu khác	-	1.756.627.096
Hàng bán bị trả lại	(36.736.003.402)	(5.192.212.223)
Doanh thu thuần	375.352.871.466	340.935.562.633

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn hoạt động thương mại	32.829.132.509	59.194.857.773
Giá vốn hoạt động thi công	-	76.486.617.308
Giá vốn hoạt động bất động sản	742.719.109	1.921.105.627
Giá vốn cung cấp dịch vụ	65.217.444	770.412.786
Giá vốn cung cấp nước	961.187.921	941.087.444
Giá vốn taxi	25.832.924.511	21.220.513.127
Giá vốn chế biến, nuôi trồng thủy sản	254.420.192.935	134.565.339.544
Giá vốn hoạt động khác	-	-
Tổng cộng	314.851.374.429	295.099.933.609

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	79.069.305	887.525.881
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.151.376.891	689.570.609
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Khác	1.970.379.280	-
Tổng cộng	3.200.825.476	1.577.096.490

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	4.805.521.477	6.775.441.531
Chi phí lãi tiền ký quỹ của taxi	71.477.231	-
Chi phí chiết khấu thanh toán	-	43.433.670
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	15.218.922.972	976.249.324
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Chi phí cho khoản đầu tư vào công ty liên kết	-	-
Khác	3.982.669.847	-
Tổng cộng	24.078.591.527	7.795.124.525

6.5. Chi phí bán hàng

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	1.017.129.808	996.028.582
Chi phí vật liệu bảo bì, CCDC	3.595.233.838	2.898.886.364
Chi phí khấu hao tài sản cố định	135.674.834	111.630.483
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.046.348.592	8.485.876.409
Chi phí bằng tiền khác	4.518.972.253	2.107.349.160
Tổng cộng	17.313.359.325	14.599.770.998

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	8.198.325.568	7.862.596.402
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	732.293.668	714.504.352
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.322.237.426	1.277.235.601
Thuế, phí và lệ phí	227.071.804	207.669.528
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.515.532.034	1.863.186.212
Chi phí bằng tiền khác	3.666.867.089	2.599.196.883
Tổng cộng	16.662.327.589	14.524.388.978

6.7. Thu nhập khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Thu phí đo đạc	14.230.909	8.020.819
Thu tiền bán phế liệu	77.563.228	-
Thu thanh lý tài sản cố định	2.492.371.433	663.399.857
Thu lại trả chậm, phạt vi phạm hợp đồng	356.865.731	100.542.975
Thu nhập khác	936.943.324	160.365.185
Tổng cộng	3.877.974.625	932.328.836

6.8. Chi phí khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí công cụ, dụng cụ	-	-
Chi phí thanh lý tài sản cố định	2.228.174.966	61.250.010
Chi phí liên kết ao nuôi	116.293.000	-
Chi phí khác	131.428.307	553.031.019
Tổng cộng	2.475.896.273	614.281.029

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chênh lệch tạm thời	Số tiền	Thuế suất	Chi phí thuế hoãn lại
Chi phí thuế hoãn lại do trích trước chi phí cho khu đất Long Kim 2	-	25%	-
Chi phí thuế hoãn lại từ việc loại trừ lãi chưa thực hiện của kỳ này	32.636.240	25%	8.159.060
Tổng cộng	32.636.240		8.159.060

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

7. Thông tin về các bên có liên quan

- Giao dịch giữa Công ty và các công ty con, được gọi là các bên liên quan, đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất.
- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư với các bên có liên quan như sau:

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Phải thu Ông Phạm Phúc Toại	4.874.723.000	-
Phải thu Cty An Thịnh	1.100.000.000	-
Phải thu Phạm Thúy An	500.000.000	-
Phải trả Công Ty An Thịnh	4.446.334.500	-
Phải trả Ông Phạm Phúc Toại	630.290.863	5.470.359.000
Phải trả Công Ty Thanh Thy	20.861.443.935	24.557.443.935
Phải trả Công Ty Kim Hoàng Long	87.491.500.000	-
Phải trả Cty TM Hoàng Long	8.514.528.016	-
Phải trả Phạm Thúy An	14.950.000.000	-

- Bản chất các giao dịch với công ty liên kết và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay công ty TNHH Thanh Thy	988.231.225	1.025.990.759
Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Giám đốc:		
Thu nhập của các thành viên trong Ban Tổng Giám Đốc	463.638.669	423.466.770

8. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

9. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 31 tháng 10 năm 2011.

Long An, ngày 31 tháng 10 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ TRÚC

TỔNG GIÁM ĐỐC

PHẠM PHÚC TOẠI

